

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2020/HS-ST
Ngày 14-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Thủy – Nguyên giáo viên

Bà Đỗ Thị Xanh – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Tuấn Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2020/HSST ngày 16 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2020/HSST-QĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Trương Văn T;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 13/7/1995 tại Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT: thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nơi ở: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị M; Vợ: Đinh Thị Hương L; Có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; Đầu thú ngày 01/8/2020, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; Có mặt;

2. **Hoàng Văn K;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 09/10/1995 tại Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT: xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; Nơi ở: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn B và bà Hoàng Thị N; Vợ con: không; Tiền án, tiền sự: không; Đầu thú ngày 01/8/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; Có mặt;

3. **Phạm Thế H;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 28/4/2004 tại Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT: thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nơi ở: phường H,

thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị L; Vợ con: không; Tiền án, tiền sự: không; Đầu thú ngày 01/8/2020 hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt;

4. **H.V.T**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 13/8/2000 tại Hải Phòng; Nơi ĐKKHKT: thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn C và bà Nguyễn Thị T; Vợ con: không; Tiền án, tiền sự: không; Đầu thú ngày 01/8/2020 hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt;

Đại diện hợp pháp và bào chữa cho bị cáo Phạm Thế H: ông Phạm Văn H; Sinh năm 1980; Địa chỉ: thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; Có mặt;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L; Sinh năm 1960; Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

2. Anh Vũ Văn N; Sinh năm 1979; Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

3. Chị Nguyễn Thị N; Sinh năm 1979; Địa chỉ: khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

4. Bà Phạm Thị H; Sinh năm 1961; Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

5. Anh Nguyễn Văn Q; Sinh năm 1989; Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

6. Chị Phạm Thị N; Sinh năm 1968; Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

7. Chị Ngô Thị T; Sinh năm 1977; Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

8. Chị Nguyễn Minh H; Sinh năm 1963; Địa chỉ: phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

9. Chị Nguyễn Thị D; Sinh năm 1988; Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

10. Anh Nguyễn Xuân B; Sinh năm 1987; Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

11. Anh Phạm Mạnh C; Sinh năm 1984; Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

12. Chị Vũ Thị Thanh H; Sinh năm 1982; Địa chỉ: phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

13. Anh Trần Xuân T; Sinh năm 1988; Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
14. Anh Phạm Bá N; Sinh năm 1990; Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
15. Anh Phạm Văn K; Sinh năm 1979; Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
16. Chị Mai Thị A; Sinh năm 1977; Địa chỉ: xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
17. Chị Hoàng Thị N; Sinh năm 1986; Địa chỉ: xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
18. Anh Nguyễn Duy H; Sinh năm 1978; Địa chỉ: khu H, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
19. Chị Hoàng Thị T; Sinh năm 1975; Địa chỉ: xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
20. Chị Nguyễn Thị X; Sinh năm 1967; Địa chỉ: xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
21. Chị Hoàng Thị C; Sinh năm 1991; Địa chỉ: khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
22. Chị Vi Thị B; Sinh năm 1989; Địa chỉ: xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
23. Chị Vi Thị T; Sinh năm 1964; Địa chỉ: đường P, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
24. Anh Vũ Trung H; Sinh năm 1987; Địa chỉ: phường B, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
25. Chị Vi Thị M; Sinh năm 1999; Địa chỉ: xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
26. Chị Bùi Thúy N; Sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn B, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
27. Chị Bùi Thị N; Sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn B, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
28. Chị Đặng Thị H; Sinh năm 1976; Địa chỉ: xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
29. Anh Nguyễn Ngọc T; Sinh năm 1982; Địa chỉ: xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
30. Anh Đặng Tiến H; Sinh năm 1993; Địa chỉ: phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;
31. Chị Nguyễn Thị T; Sinh năm 1981; Địa chỉ: xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

32.Chị Phạm Thu D; Sinh năm 1982; Địa chỉ: phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

33.Anh Nguyễn Văn N; Sinh năm 1974; Địa chỉ: xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

34.Chị Nguyễn Thúy X; Sinh năm 1973; Địa chỉ: xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

35.Anh Nguyễn Văn Q; Sinh năm 1988; Địa chỉ: xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

36.Chị Phan Thị H; Sinh năm 1973; Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

37.Chị Bùi Thị H; Sinh năm 1979; Địa chỉ: thôn T, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

38.Chị Hoàng Thị M; Sinh năm 1990; Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

39.Chị Trần Thu H; Sinh năm 1990; Địa chỉ: phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

40.Chị Bùi Thị L; Sinh năm 1985; Địa chỉ: xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

41.Chị Phạm Thị Đ; Sinh năm 1981; Địa chỉ: xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

42.Chị Lê Thị P; Sinh năm 1979; Địa chỉ: khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

43.Chị Nông Tiểu N; Sinh năm 1995; Địa chỉ: phường B, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

44.Chị Đặng Bích H; Sinh năm 1969; Địa chỉ: xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

45.Chị Trần Thị Bích P; Sinh năm 1989; Địa chỉ: phường T, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

46.Anh Nguyễn Văn T; Sinh năm 1986; Địa chỉ: phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

47.Anh Ngô Đông Đ; Sinh năm 1985; Địa chỉ: xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt;

48.Anh Trương Văn T; Sinh năm 1991; Địa chỉ: huyện A, thành phố H; Vắng mặt.

Tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn T và Hoàng Văn K có quan hệ là bạn bè. Khoảng thời gian tháng 7/2019, Hoàng Văn K rủ Trương Văn T ra thành phố M làm cho vay tiền lãi nặng. Trương Văn T và Hoàng Văn K mỗi người góp 300.000.000 đồng. Cả hai thống nhất cho vay từ **3000đồng/1triệu/1ngày đến 10.000đồng/1triệu/1 ngày** (lãi suất **109,5% - 365%**), Trương Văn T và Hoàng Văn K thỏa thuận ăn chia hàng tháng như sau: Tiền lãi chia làm 03 phần, Trương Văn T và Hoàng Văn K mỗi người một phần, còn một phần dùng vào việc trả tiền công, chi phí sinh hoạt hàng ngày. Sau đó, Trương Văn T và Hoàng Văn K thuê 01 phòng trọ của anh Vũ Đức H ở phường H, thành phố M, mục đích để ở và làm địa điểm giao dịch cho người khác vay tiền.

Khách có nhu cầu vay tiền sẽ trực tiếp liên hệ với Trương Văn T thông qua hai số điện thoại 0339.595.xxx và 0335.195.xxx để được tư vấn về hình thức vay tiền, số tiền vay, số tiền lãi phải trả, thời gian trả. Có hai hình thức cho vay là vay “bát họ” và vay “lãi năm”, tại thời điểm vay thỏa thuận luôn tiền lãi phải trả cho số tiền đã vay.

Đối với vay “bát họ”, khách sẽ vay tiền theo một thời gian đã thỏa thuận, tiền lãi dao động từ 3.000 đồng/1 triệu/ngày đến 7.000 đồng/1 triệu/ngày (tương đương lãi suất từ 109,5%/năm đến 243,3%/năm). Hàng ngày, người vay sẽ phải trả một khoản tiền bao gồm tiền gốc và lãi cho đến khi trả hết số tiền đã vay.

Đối với vay “lãi năm”, khách vay một số tiền theo thỏa thuận, sau đó hàng ngày hoặc hàng tháng sẽ phải trả tiền lãi với lãi suất từ 109,5%/năm đến 365%/năm của số tiền đó, tiền gốc trả cuối kỳ, không giới hạn thời gian vay. Khi khách vay tiền sẽ phải để lại giấy tờ cần thiết như sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, căn cước công dân, bằng lái xe hoặc thế chấp tài sản cá nhân. Trương Văn T, Hoàng Văn K và khách vay tiền có thể giao dịch vay, trả nợ bằng hai hình thức là trực tiếp hoặc chuyển qua tài khoản ngân hàng số 086100959xxx của Trương Văn T.

Trương Văn T và Hoàng Văn K thống nhất thuê Phạm Thế H và H.V.T làm nhiệm vụ đi thu tiền gốc, tiền lãi của khách vay tiền, dán các tờ rơi, quảng cáo có thông tin về cho vay lãi nặng, quản lý số điện thoại 0335.195.595 để khi có người vay Phạm Thế H sẽ tư vấn gói vay. Phạm Thế H và H.V.T được nuôi ăn, ở, sinh hoạt và trả công 6.000.000đồng/tháng/người. Khi thuê, Trương Văn T nói rõ cho Phạm Thế H và Hoàng Văn K biết việc Trương Văn T và Hoàng Văn K cho vay lãi nặng, cùng với cách thức cho vay, Phạm Thế H và H.V.T đồng ý. Trong đó Phạm Thế H làm việc từ ngày 20/02/2020, còn H.V.T làm việc từ ngày 02/7/2020.

Hằng ngày, Trương Văn T có nhiệm vụ tổng hợp số người vay, số tiền phải thu từng ngày của từng người, sau đó nhắn tin gửi vào zalo của Hoàng Văn

K và Phạm Thế H, Căn cứ vào tin nhắn Zalo của Trương Văn T thì Hoàng Văn K, Phạm Thế H và H.V.T đi thu tiền. Đến cuối buổi cả ba mang số tiền về và danh sách thu của từng người để Trương Văn T nhập vào máy tính theo dõi. Nếu không thu được tiền hoặc có người bỏ đi không tìm gặp được để thu tiền được, thì thông báo lại cho Trương Văn T, Trương Văn T sẽ đăng tin lên Facebook hoặc trực tiếp tìm người đó để đòi tiền.

Từ tháng 10/2019 đến ngày 31/7/2019, đã có 45 người vay của Trương Văn T, Hoàng Văn K tổng số tiền **2.343.000.000đồng** (*Hai tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu đồng*), tiền lãi từ 3.000đồng/1 triệu/ngày đến 10.000đồng/1 triệu/ngày (tương đương lãi suất từ 109,5%/năm đến 365%/năm), cao gấp từ 5,5 lần đến 18 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi thu được là **328.734.523đồng** (*Ba trăm hai mươi tám triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn năm trăm hai mươi ba đồng*), trong đó lãi suất vượt quá 20%/năm theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự (*tiền thu lời bất chính*) là **289.860.551đồng** (*Hai trăm tám chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn năm trăm năm một đồng*). Cụ thể:

1. Ngày 09/6/2020, bà Nguyễn Thị L vay số tiền 15.000.000đồng, tiền lãi là 3.333 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 121,7%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 2.750.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm 2.297.945đồng.
2. Ngày 12/07/2020 anh Vũ Văn N vay số tiền 10.000.000đồng, tiền lãi là 5.000đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 1.000.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 890.411đồng.
3. Tháng 6/2020, chị Nguyễn Thị N vay số tiền 10.000.000đồng, tiền lãi là 3.333đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 121,7%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 2.000.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.671.233đồng.
4. Ngày 13/7/2020, bà Phạm Thị H vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 1.000.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 890.411đồng.
5. Ngày 22/7/2020, anh Nguyễn Văn Q vay số tiền 20.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 1.000.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 890.411đồng.
6. Trong tháng 6/2020 và tháng 7/2020, bà Phạm Thị N nhiều lần vay tổng số tiền 75.000.000đồng, tiền lãi là 3.333đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 121,7%/năm*). Tổng số tiền lãi đã trả là 6.950.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 5.807.534đồng.
7. Trong ngày 11/02/2020 và 22/7/2020, chị Ngô Thị T hai lần vay tổng số tiền 10.000.000đồng, tiền lãi là 6.667 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 243,3%/năm*). Tổng số tiền lãi đã trả là 1.366.667 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.254.338đồng.

8. Ngày 26/6/2020, bà Nguyễn Minh H vay số tiền 20.000.000 đồng, tiền lãi là 3.333 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 121,7%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 2.533.333 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.116.895 đồng.

9. Ngày 27/6/2020, chị Nguyễn Thị D vay số tiền 15.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 2.675.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.387.329 đồng.

10. Ngày 29/6/2020, anh Nguyễn Xuân B vay số tiền 40.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 6.800.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 6.054.795 đồng.

11. Trong ngày 07/6/2020 và ngày 10/7/2020, anh Phạm Mạnh C hai lần vay tổng số tiền 50.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 8.200.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 7.301.370 đồng.

12. Ngày 22/7/2020, chị Vũ Thị Thanh H vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 500.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 445.205 đồng.

13. Ngày 12/7/2020, anh Trần Xuân T vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 800.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 712.329 đồng.

14. Ngày 29/4/2020, anh Phạm Bá N vay số tiền 35.000.000 đồng, tiền lãi là 3.000 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 109,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 9.450.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 7.723.973 đồng.

15. Ngày 01/02/2020, anh Phạm Văn K vay số tiền 100.000.000 đồng, tiền lãi là 3.333 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 121,7%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 20.000.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 16.712.329 đồng.

16. Ngày 24/7/2020, chị Mai Thị Á vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 300.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 267.123 đồng.

17. Tháng 7/2020, chị Hoàng Thị N hai lần vay tổng số tiền 15.000.000 đồng, tiền lãi từ 5.000 đồng/01 triệu/ngày đến 6.667 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất từ 182,5% đến 243,3%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 1.600.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.432.876 đồng.

18. Ngày 24/7/2020, anh Nguyễn Duy H vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 500.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 445.205 đồng.

19. Ngày 17/6/2020, chị Hoàng Thị T vay số tiền 60.000.000 đồng, tiền lãi là 3.333 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 121,7%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 9.000.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 7.520.548 đồng.

20. Ngày 30/07/2020, chị Nguyễn Thị X vay số tiền 5.000.000đồng, tiền lãi là 6.667đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 243,3%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 66.667đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 61.188đồng.

21. Tháng 3/2020, chị Hoàng Thị C bốn lần vay tổng số tiền 400.000.000đồng, tiền lãi từ 5.000đồng/01 triệu/ngày đến 10.000đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất từ 182,55 đến 365%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 49.000.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 45.493.194đồng.

22. Đầu năm 2020, chị Vi Thị B bốn lần vay tổng số tiền 70.000.000đồng, tiền lãi 3.333đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 121,7%/năm*). Số tiền lãi đã trả 13.333.333đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 11.141.553đồng.

23. Ngày 04/07/2020, bà Vi Thị T vay số tiền 25.000.000đồng, tiền lãi 3.333đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 121,7% năm*). Số tiền lãi đã trả là 2.500.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.089.041đồng.

24. Ngày 08/7/2020, anh Vũ Trung H vay số tiền 70.000.000đồng, tiền lãi 3.333đồng/1 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 121,7%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 4.900.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 4.094.521đồng.

25. Tháng 5/2020 và tháng 7/2020, chị Vi Thị M ba lần vay tổng số tiền 25.000.000đồng, tiền lãi 3.333đồng/1 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 121,7%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 3.200.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.673.973đồng.

26. Trong ngày 26/6/2020 và ngày 22/7/2020, chị Bùi Thúy N hai lần vay tổng số tiền 8.000.000đồng, tiền lãi từ 4.762đồng/1 triệu/ngày đến 6.667đồng/1 triệu/ngày (*tương đương lãi suất từ 173,8% đến 243,3%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 1.142.857đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.044.227đồng.

27. Tháng 4/2020 và tháng 7/2020, chị Bùi Thị N hai lần vay tổng số tiền 15.000.000đồng, tiền lãi từ 3.333đồng/1 triệu/ngày đến 5.000đồng/1 triệu/ngày (*tương đương lãi suất từ 121,7% đến 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 1.333.333đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.168.949đồng.

28. Từ ngày 28/11/2019 đến ngày 04/02/2020, chị Đặng Thị H ba lần vay tổng số tiền 180.000.000đồng, tiền lãi từ 5.000đồng/1 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 48.250.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 42.962.392đồng.

29. Từ tháng 10/2019 đến ngày 29/7/2020, anh Nguyễn Ngọc T bốn lần vay tổng số tiền 230.000.000đồng, tiền lãi từ 5.000đồng đến 8.333đồng/1 triệu/ngày (*tương đương lãi suất từ 182,5% đến 304,2%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 60.750.333đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 55.845.891đồng.

30. Đầu năm 2020, anh Đặng Tiến H vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi từ 5.000 đồng/1 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 2.300.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.047.945 đồng.

31. Ngày 04/7/2020, chị Nguyễn Thị T vay số tiền 30.000.000 đồng, tiền lãi từ 5.000 đồng/1 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 4.050.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 3.606.164 đồng.

32. Ngày 20/7/2020, chị Phạm Thu D vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi từ 5.000 đồng/1 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 250.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 222.603 đồng.

33. Trong ngày 01/5/2020 và ngày 15/7/2020, anh Nguyễn Văn N hai lần vay tổng số tiền 80.000.000 đồng, tiền lãi 5.000 đồng/1 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 10.750.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 9.571.918 đồng.

34. Ngày 07/7/2020, chị Nguyễn Thúy X vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi từ 5.000 đồng/1 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 1.200.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.068.493 đồng.

35. Ngày 23/7/2020, anh Nguyễn Văn Q vay số tiền 300.000.000 đồng, tiền lãi 3.333 đồng/1 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 121,7%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 9.000.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 7.520.548 đồng.

36. Trong ngày 28/6/2020 và ngày 18/7/2020, chị Phan Thị H hai lần vay tổng số tiền 30.000.000 đồng, tiền lãi 5.000 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 1.600.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.424.657 đồng.

37. Ngày 16/7/2020, chị Bùi Thị H vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi 5.000 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 900.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 801.370 đồng.

38. Trong ngày 08/02/2020 và ngày 15/6/2020, chị Hoàng Thị M hai lần vay tổng số tiền 100.000.000 đồng, tiền lãi 3.333 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 121,7%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 17.833.333 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 14.901.826 đồng.

39. Ngày 29/7/2020, chị Trần Thu H vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi 5.000 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 150.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 133.562 đồng.

40. Ngày 23/7/2020, chị Bùi Thị L vay số tiền 20.000.000 đồng, tiền lãi 5.000 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 900.000 đồng, trong đó số tiền lãi vượt quá 20%/năm là 801.370 đồng.

41. Ngày 03/7/2020, chị Phạm Thị Đ vay số tiền 50.000.000 đồng, tiền lãi 5.000 đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 4.750.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 3.544.521 đồng.

42. Ngày 28/7/2020, chị Lê Thị P vay số tiền 20.000.000đồng, tiền lãi 5.000đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 600.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 534.247đồng.

43. Ngày 25/7/2020, chị Nông Tiểu N vay số tiền 10.000.000đồng, tiền lãi 5.000đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 300.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 267.123đồng.

44. Ngày 27/7/2020, chị Đặng Bích H vay số tiền 50.000.000đồng, tiền lãi 5.000đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 1.250.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.113.014đồng.

45. Tháng 10/2019, chị Trần Thị Bích P ba lần vay tổng số tiền 50.000.000đồng, tiền lãi 5.000đồng/01 triệu/ngày (*tương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền lãi đã trả là 10.000.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 8.904.110đồng.

Khoảng 11 giờ 50 phút, ngày 01/8/2020, Công an tỉnh Quảng Ninh phối hợp với Công an phường Hải Yên, thành phố M kiểm tra hành chính phòng trọ nơi Trương Văn T cùng với Hoàng Văn K, Phạm Thế H và H.V.T đang ở, thu giữ một số đồ vật, tài liệu gồm: 01 căn cước công dân số 031095002565 tên Trương Văn T; Tiền Việt Nam: 29.500.000 đồng (Hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng); 01 máy tính cá nhân nhãn hiệu Asus màu đen; 01 hộp màu đỏ bên trong có chứa 44 bộ hồ sơ của người vay tiền; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng bên trong gắn sim 0938.315.689; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu vàng bên trong gắn sim 0339.595.555 và 0795.998.888; 01 ô tô Kia Morning màu trắng BKS 15D – 013.08 cùng với đăng ký xe mang tên Phạm Văn Toàn và đăng kiểm của xe; 01 ô tô Ford Focus màu trắng BKS 14A – 247.71 cùng với đăng ký xe tên Ngô Đông Đủ và đăng kiểm của xe; 01 ô tô Hyundai Santafe màu đen BKS 15A – 432.31; 01 ô tô Madaz CX5 màu đỏ BKS 14A – 363.12; 01 xe máy Honda Wave màu xanh đen bạc BKS 14K1 – 263.09 cùng đăng ký xe tên Phạm Thị Nga.

Cùng ngày, Trương Văn T, Hoàng Văn K, Phạm Thế H và H.V.T đến cơ quan Công an đầu thú. Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Hoàng Văn K: 01 căn cước công dân số 031095000764 tên Hoàng Văn K; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh đen gắn sim số 0562.919.999; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu vàng gắn sim số 0968.053.054. Tạm giữ của Phạm Thế H: 01 bản sao giấy khai sinh tên Phạm Thế H; 01 bản sao sổ hộ khẩu do ông Phạm Văn H làm chủ hộ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu trắng gắn sim số 0335.195.595. Tạm giữ của H.V.T: 01 căn cước công dân 03100000594 tên H.V.T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen gắn sim số 0899.907.333; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh gắn sim số 0868.994.579.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Bị cáo Trương Văn T khai, khi thuê Phạm Thế H và H.V.T, bị cáo có nói cho 02 người biết việc Trương Văn T và Hoàng Văn K cho vay lãi nặng cùng với cách thức, hình thức cho vay. Trong quá trình cho vay lãi, Trương Văn T giao cho Phạm Thế H sử dụng số điện thoại 0335.195.595 được in trên tờ quảng cáo để khách vay tiền liên hệ với Phạm Thế H, Phạm Thế H sẽ tư vấn trước về số tiền vay, hình thức và số tiền lãi phải trả sau đó thông tin lại cho Trương Văn T.

Bị cáo Hoàng Văn K còn khai thêm: Khách có nhu cầu vay tiền sẽ liên hệ trực tiếp với Trương Văn T. Hằng ngày, trên cơ sở thông tin do Trương Văn T cung cấp, Hoàng Văn K sẽ đi thu tiền gốc, lãi của những người vay. Quá trình cho vay lãi nặng đến tháng 02/2020, mỗi tháng Hoàng Văn K được chia 18.000.000 đồng tiền lợi nhuận, sau đó do khách vay tiền bỏ trốn nhiều nên chưa được nhận thêm tiền lãi.

Bị cáo Phạm Thế H khai: Ngày 20/02/2020 đến làm thuê cho Trương Văn T, ngày 21/02/2010 bắt đầu đi thu tiền, nhận thức được việc Trương Văn T hoạt động cho vay lãi nặng. Phạm Thế H được Trương Văn T giao nhiệm vụ hàng ngày sử dụng xe mô tô đi thu tiền gốc, lãi hoặc trực tiếp đưa ra tiền vay, nhận sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân cầm cố từ người vay rồi đưa lại cho Trương Văn T. Ngoài ra, Phạm Thế H còn đi dán tờ quảng cáo cho vay tiền, khi có khách gọi điện thoại đến, Phạm Thế H sẽ tư vấn về cách thức vay, số tiền lãi phải trả sau đó chuyển thông tin cho Trương Văn T để Trương Văn T trực tiếp giao dịch. Quá trình làm thuê, Phạm Thế H được Trương Văn T thanh toán toàn bộ chi phí ăn, xăng xe và đã được Trương Văn T trả tiền công 20.000.000 đồng.

Bị cáo H.V.T khai: Biết Trương Văn T làm cho vay lãi nặng tại thành phố M nên đã liên hệ, xin làm thuê cho Trương Văn T. Ngày 02/7 2020, Trương Văn T về nhà H.V.T đón ra M. Tại đây, Trương Văn T nói rõ với H.V.T hình thức cho vay, số tiền lãi người vay phải trả cho khoản vay của mình, nhiệm vụ của H.V.T là hàng ngày cùng với Phạm Thế H sử dụng xe mô tô đi thu tiền gốc, tiền lãi của những người vay theo danh sách mà Trương Văn T cung cấp. H.V.T được Trương Văn T thanh toán toàn bộ chi phí ăn, ở, xăng xe, chưa thỏa thuận về mức lương cụ thể, chưa được Trương Văn T thanh toán tiền công.

Như vậy, số tiền các bị cáo thu lời bất chính (lãi suất vượt quá 20%/năm theo quy định của pháp luật) đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự như sau:

- Số tiền thu lời bất chính của bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K là 289.860.852 đồng (*Hai trăm tám mươi chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn tám trăm năm mươi hai đồng*);

- Số tiền Phạm Thế H giúp sức cho Trương Văn T và Hoàng Văn K thu lời bất chính từ khi Phạm Thế H làm từ ngày 20/02/2020 là 221.258.953 đồng (*Hai trăm hai mươi một triệu hai trăm năm mươi tám nghìn chín trăm năm ba đồng*);

- Số tiền H.V.T giúp sức cho Trương Văn T và Hoàng Văn K thu lời bất chính từ ngày 02/7/2020 là 71.734.867 đồng (Bảy mươi một triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng).

Về xử lý vật chứng:

- Chiếc xe ô tô Kia Morning biển số 15D – 031.08 và chiếc xe ô tô Hyundai Santafe biển số 15A – 432.20, chủ sở hữu là anh Trương Văn T, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T. Chiếc xe ô tô Mazda CX5 biển số 14A – 363.12, chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn T, đây là tài sản anh T cầm cho Trương Văn T để vay số tiền 350.000.000đồng. Ngày 23/8/2020, anh T đã nộp lại số tiền trên để trả cho Trương Văn T, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T.

- Đối với xe ô tô Ford Focus biển số 14A – 247.71 cùng với đăng ký xe, đăng kiểm xe, chủ sở hữu là anh Ngô Đông Đ. Anh Đ thế chấp cho Trương Văn T vay số tiền 400.000.000đồng (*chưa trả lãi cho Trương Văn T*); 01 xe máy Honda Wave màu xanh đen bạc BKS 14K1 – 263.09 cùng đăng ký xe tên Phạm Thị N là tài sản Trương Văn T mua và dùng vào việc phạm tội.

- Đối với sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, căn cước công dân ... xác định là của 45 người vay tiền của Trương Văn T. Cơ quan điều tra đã trả lại giấy tờ cá nhân cho 32 người: Phần dân sự: 03 người gồm các anh, chị: Phạm Thị H, Nguyễn Duy H và Nguyễn Ngọc T yêu cầu Trương Văn T đối trừ số tiền lãi vượt quá mức quy định của pháp luật vào số tiền gốc mà anh, chị còn nợ Trương Văn T; 42 người còn lại không có yêu cầu, đề nghị gì.

Ngoài việc cho 45 người vay tiền với lãi suất dao động từ 109,5%/năm đến 365%/năm như đã nêu trên, Trương Văn T, Hoàng Văn K còn cho 02 người khác là anh Ngô Đông Đ và Nguyễn Văn T vay tổng số tiền 750.000.000đồng, nhưng chưa thu được tiền lãi nên không đề cập xử lý.

Trong vụ án này, ngoài những người vay tiền trên, Trương Văn T còn cho một số người khác vay tiền. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập, xác minh và thông báo đến chính quyền địa phương, những người này đều không đến làm việc hoặc không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không xác định được cụ thể số tiền Trương Văn T đã cho vay và tiền thu lời bất chính. Do đó, Cơ quan điều tra tách ra, khi có thông tin sẽ tiếp tục điều tra làm rõ xử theo quy định.

Đối với anh Vũ Đức H là người cho Trương Văn T và Hoàng Văn K mượn phòng trọ, nhưng anh H không biết việc Trương Văn T và Hoàng Văn K dùng phòng trọ trên vào việc phạm tội, nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Tại bản cáo trạng số: 113/CT-VKS-P2 ngày 15/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố các bị cáo Trương Văn T, Hoàng Văn K, Phạm Thế H về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2

Điều 201 Bộ luật hình sự. Bị cáo H.V.T về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quyết định truy tố, sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử: Về hình phạt: Đề nghị xử phạt Trương Văn T, Hoàng Văn K mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù; Xử phạt Hoàng Thế H từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo; Phạt H.V.T từ 50 triệu đồng đến 60 triệu đồng sung ngân sách Nhà nước. Buộc đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Thế H phải nộp 20 triệu đồng tiền thu lời bất chính do Phạm Thế H phạm tội mà có đồng thời xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K xác định vốn góp cho vay là 600 triệu đồng (mỗi người góp 300 triệu đồng) còn số tiền 2.343.000.000đ là tổng số tiền cả vốn cho vay và lãi thu về quay vòng, tuy nhiên trong số tiền cho 45 người vay nêu trong Cáo trạng đến thời điểm bị phát hiện và xử lý thì vẫn có nhiều người chưa trả gốc, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trừ vào phần gốc bị tịch thu sung công buộc các bị cáo phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều nhận tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy có đủ sơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến ngày 31/7/2020, trên địa bàn thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, Trương Văn T, Hoàng Văn K, Phạm Thế H và H.V.T có hành vi cho vay tiền với mức lãi suất thấp nhất là 109,5%/năm, lãi suất cao nhất là 365%/năm để thu lời bất chính. Trong đó, Trương Văn T và Hoàng Văn K đã cho 45 người vay tổng số tiền là 2.343.000.000đồng (Hai tỉ ba trăm bốn mươi ba triệu đồng), tiền lãi thu được là 328.734.523 đồng. Trong đó, lãi suất vượt quá 20%/năm theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự (tiền thu

lời bất chính) là 289.860.852 đồng. Phạm Thế H đã tham gia giúp Trương Văn T, Hoàng Văn K thu lời bất chính số tiền 221.258.953 đồng; H.V.T tham gia giúp Trương Văn T, Hoàng Văn K thu lời bất chính số tiền 71.734.867 đồng.

Các bị cáo Trương Văn T, Hoàng Văn K, Phạm Thế H phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Bị cáo H.V.T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hội đồng xét xử nhận thấy tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn làm cho những người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do phải trả lãi quá cao, làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Do đó phải xem xét, xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

[4] Về vai trò và hình phạt: các bị cáo Hoàng Văn K và Trương Văn T là người tổ chức, cùng nhau góp tiền để cung cấp tiền cho vay lãi nặng thu lợi, đồng thời là người thuê các bị cáo Phạm Thế H và H.V.T đi thu tiền cho vay. Bị cáo Phạm Thế H và H.V.T có vai trò giúp sức tích cực cho các bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K trong việc đi thu tiền gốc, tiền lãi của khách vay tiền, trong đó bị cáo Phạm Thế H tham gia giúp Trương Văn T, Hoàng Văn K thu lời bất chính số tiền 221.258.953 đồng; bị cáo H.V.T tham gia giúp Trương Văn T, Hoàng Văn K thu lời bất chính số tiền 71.734.867 đồng. Do đó vai trò của các bị cáo Hoàng Văn K và Trương Văn T cao hơn các bị cáo Phạm Thế H và H.V.T nên hình phạt của các bị cáo Hoàng Văn K và Trương Văn T cao hơn so với các bị cáo Phạm Thế H và H.V.T. Song cũng xét các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về vật chứng: Đối với các Giấy tờ tùy thân trả cho người đứng tên. Đối với xe ô tô Ford Focus biển số 14A - 247.71 cùng giấy tờ đăng kí xe, đăng kiểm chủ sở hữu là của anh Ngô Đông Đ, anh Đ thể chấp cho Trương Văn T vay 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), qua xác minh chưa trả lãi cho Trương Văn T nên trả lại cho anh Đ. Đối với số tiền gốc 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) do Trương Văn T và Hoàng Văn K góp mỗi người 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và phần lãi còn lại sau khi trừ đi phần lãi nặng (vượt quá 20%) để trả cho người vay và tiền gốc vay của những người vay chưa trả thì buộc phải nộp lại sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về xử lý khoản tiền gốc (khoản tiền cho vay) và tiền lãi đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận số tiền lãi thu được của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được các bị cáo tiếp tục cho vào quay vòng cùng vốn góp ban đầu là 600.000.000đ để tiếp tục cho những người khác vay tiền. Do vậy, đối với khoản tiền cho vay này cần được tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Trong đó, khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên buộc người phạm tội trả lại cho người vay. Truy thu tại người vay số tiền vay (Tiền gốc) mà người vay chưa trả cho bị cáo để sung công. Phần thu lãi nặng của những người vay được trả lại cho họ sau khi trừ đi số tiền gốc người vay còn nợ chưa trả để sung công. Cụ thể như sau:

1. Số tiền gốc bà Nguyễn Thị L đã trả là 13.750.000đ. Số tiền lãi đã trả là 2.750.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.297.945đồng. Như vậy, tiền gốc bà Lương chưa trả là 1.250.000đ. Đối trừ tiền lãi nặng và gốc bà L chưa trả, còn lại buộc các bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K phải liên đới trả lại cho bà L số tiền: 1.048.000đ (một triệu không trăm bốn tám ngàn đồng).

2. Số tiền gốc anh Vũ Văn N đã trả là 5.000.000đ. Số tiền lãi đã trả là 1.000.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 890.411đồng. Như vậy, tiền gốc anh N chưa trả là 5.000.000đ. Đối trừ tiền lãi nặng và tiền gốc anh N chưa trả thì anh N còn phải nộp lại là 4.109.589đ (bốn triệu một trăm linh chín nghìn năm trăm tám chín đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

3. Số tiền gốc chị Nguyễn Thị N đã trả là 10.000.000đ. Số tiền lãi đã trả là 2.000.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.671.233đồng. Tiền gốc đã trả xong. Đối trừ thì số tiền các bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K phải liên đới trả lại cho chị N là 1.671.233 đ (một triệu sáu trăm bảy một ngàn hai trăm ba mươi ba đồng).

4. Số tiền gốc bà Phạm Thị H vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000đồng/01 triệu/ngày (*trương đương lãi suất 182,5%/năm*). Số tiền gốc đã trả là 5.000.000đ. Số tiền lãi đã trả là 1.000.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 890.411đồng. Như vậy, tiền gốc bà H chưa trả là 5.000.000đ. Đối trừ tiền lãi nặng và tiền gốc chưa trả thì bà H phải nộp lại 4.109.589đ (bốn triệu một trăm linh chín nghìn năm tám chín đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

5. Số tiền gốc anh Nguyễn Văn Q đã trả là 5.000.000đ. Số tiền lãi đã trả là 1.000.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 890.411đồng. Như vậy, số tiền gốc vay anh Q chưa trả là 15.000.000đ. Đối trừ tiền lãi nặng với tiền gốc vay chưa trả thì số tiền anh Q còn phải nộp lại là 14.109.589đ (mười bốn triệu một trăm linh chín ngàn năm trăm tám chín đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

6. Số tiền gốc bà Phạm Thị N đã trả là 34.750.000đ. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.950.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 5.807.534đồng. Như vậy, số tiền gốc vay bà N chưa trả là 40.250.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc bà N còn phải nộp lại là 34.442.446đ (ba mươi tư triệu bốn trăm bốn hai nghìn bốn trăm bốn sáu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

7. Số tiền gốc chị Ngô Thị T đã trả là 6.833.333đ. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.366.667 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.254.338đồng. Như vậy, số tiền gốc vay chị T chưa trả là 3.166.667đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị T còn phải nộp lại là 1.912.329đ (một triệu chín trăm mười hai nghìn ba trăm hai chín đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

8. Số tiền gốc bà Nguyễn Minh H đã trả là 12.666.667đ. Số tiền lãi đã trả là 2.533.333 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.116.895đồng. Như vậy, tiền gốc vay bà H chưa trả là 7.333.333đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc bà H còn phải nộp lại là 5.216.438đ (năm triệu hai trăm mười sáu ngàn bốn trăm ba tám đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

9. Số tiền gốc chị Nguyễn Thị D đã trả là 13.125.000đ. Số tiền lãi đã trả là 2.675.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.387.329 đồng. Như vậy, tiền vay gốc chị D chưa trả là 1.875.000đ. Đối trừ thì số tiền các bị cáo Trương Văn T, Hoàng Văn K và Phạm Thế H phải liên đới trả lại cho chị D là 512.329đ (năm trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

10. Số tiền gốc anh Nguyễn Xuân B đã trả là 34.000.000đ. Số tiền lãi đã trả là 6.800.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 6.054.795đồng. Như vậy, tiền gốc vay chưa trả là 6.000.000đ. Đối trừ thì số tiền các bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K phải liên đới trả lại cho anh Bảy là 54.795đ (năm mươi tư nghìn bảy trăm chín lăm đồng).

11. Số tiền gốc anh Phạm Mạnh C đã trả là 41.000.000đ. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.200.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 7.301.370 đồng. Như vậy, tiền gốc vay anh C chưa trả là 9.000.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì

số tiền gốc anh C còn phải nộp lại 1.698.630đ (một triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

12.Số tiền gốc chị Vũ Thị Thanh H đã trả là 2.500.000đ. Số tiền lãi đã trả là 500.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 445.205đồng. Như vậy, tiền gốc vay chưa trả là 7.500.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị H còn phải nộp lại là 7.054.795đ (bảy triệu không trăm năm tư ngàn bảy trăm chín lăm đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

13.Số tiền gốc anh Trần Xuân T đã trả là 4.000.000đ. Số tiền lãi đã trả là 800.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 712.329đồng. Như vậy, tiền gốc vay anh T chưa trả là 6.000.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc anh T còn phải nộp lại 5.287.671đ (năm triệu hai trăm tám bảy nghìn sáu trăm bảy một đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

14.Số tiền gốc anh Phạm Bá N chưa trả là 35.000.000 đồng. Số tiền lãi đã trả là 9.450.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 7.723.973 đồng. Như vậy, tiền gốc vay anh N chưa trả là 35.000.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc anh N còn phải nộp lại là 27.276.027đ (hai mươi bảy triệu hai trăm bảy sáu nghìn không trăm hai bảy đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

15.Số tiền gốc anh Phạm Văn K chưa trả là 100.000.000đồng. Số tiền lãi đã trả là 20.000.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 16.712.329đồng. Như vậy, tiền gốc vay anh K chưa trả là 100.000.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc anh K còn phải nộp lại là 83.287.671đ (tám mươi ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy một đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

16.Số tiền gốc chị Mai Thị A đã trả là 1.500.000đ. Số tiền lãi đã trả là 300.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 267.123đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị A chưa trả là 8.500.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị A còn phải nộp lại là 8.232.877đ (tám triệu hai trăm ba hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

17.Số tiền gốc chị Hoàng Thị N đã trả là 8.000.000đ. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.600.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.432.876đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị N chưa trả là 7.000.000 đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị N còn phải nộp lại là 5.567.124 đ (năm triệu năm trăm sáu bảy nghìn một trăm hai tư đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

18.Số tiền gốc anh Nguyễn Duy H đã trả là 2.500.000đ. Số tiền lãi đã trả là 500.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 445.205đồng. Như vậy, tiền gốc vay anh H chưa trả là 7.500.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc anh H còn phải nộp lại 7.054.795đ (bảy triệu không trăm năm tư nghìn bảy trăm chín lăm đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

19.Số tiền gốc chị Hoàng Thị T đã trả là 45.000.000đ. Số tiền lãi đã trả là 9.000.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/ năm là 7.520.548đồng. Như

vậy, tiền gốc vay chị T chưa trả là 15.000.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị T còn phải nộp lại là 7.479.452đ (bảy triệu bốn trăm bảy chín nghìn bốn trăm năm hai đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

20.Số tiền gốc chị Nguyễn Thị X đã trả là 333.333đ. Số tiền lãi đã trả là 66.667đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 61.188đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị X chưa trả là 4.666.667đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị X còn phải nộp lại 4.605.480đ (bốn triệu sáu trăm linh năm nghìn bốn trăm tám mươi đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

21.Số tiền gốc chị Hoàng Thị C đã trả là 225.000.000đ. Tổng số tiền lãi đã trả là 49.000.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 45.493.194đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị C chưa trả là 175.000.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị C còn phải nộp lại 129.506.851đ (một trăm hai chín triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm năm một đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

22.Số tiền gốc chị Vi Thị B đã trả là 66.666.667đ. Số tiền lãi đã trả 13.333.333đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 11.141.553đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị B chưa trả là 3.333.333đ. Đối trừ thì số tiền các bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K phải liên đới trả lại cho chị B là 7.808.220đ (bảy triệu tám trăm linh tám nghìn hai trăm hai mươi đồng).

23.Số tiền gốc bà Vi Thị T đã trả là 12.500.000đ. Số tiền lãi đã trả là 2.500.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.089.041đồng. Như vậy, số tiền gốc vay bà T chưa trả là 12.500.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc bà T còn phải nộp lại là 10.410.959đ (mười triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm năm chín đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

24.Số tiền gốc anh Vũ Trung H đã trả là 24.500.000đ. Số tiền lãi đã trả là 4.900.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 4.094.521đồng. Như vậy, tiền gốc vay anh H chưa trả là 45.500.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc anh H còn phải nộp lại 41.405.479đ (bốn một triệu bốn trăm linh năm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

25.Số tiền gốc chị Vi Thị M đã trả là 16.000.000đ. Số tiền lãi đã trả là 3.200.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.673.973đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị M chưa trả là 9.000.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị M còn phải nộp lại 6.326.027đ (sáu triệu ba trăm hai sáu nghìn không trăm hai bảy đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

26.Số tiền gốc chị Bùi Thúy N đã trả là 5.857.143đ. Số tiền lãi đã trả là 1.142.857đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.044.227đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị N chưa trả là 2.142.857đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị N còn phải nộp lại 1.098.630 đ (một triệu không trăm chín tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

27.Số tiền gốc chị Bùi Thị N đã trả là 6.666.667đ. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.333.333đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.168.949đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị N chưa trả là 8.333.333đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị N còn phải nộp lại là 7.164.383đ (bảy triệu một trăm sáu tư nghìn ba trăm tám ba đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

28.Số tiền gốc chị Đặng Thị H đã trả là 241.250.000.000đ. Tổng số tiền lãi đã trả là 48.250.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 42.962.392đồng. Đối trừ thì số tiền các bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K phải liên đới trả lại cho chị H là 104.212.329đ (một trăm linh tư triệu hai trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

29.Số tiền gốc anh Nguyễn Ngọc T đã trả là 183.750.000đ. Số tiền lãi đã trả là 60.750.333đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 55.845.891đồng. Như vậy, tiền gốc vay anh T chưa trả là 46.250.000đ. Đối trừ thì số tiền các bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K phải liên đới trả lại cho anh T là 9.595.891đ (chín triệu năm trăm chín lăm nghìn tám trăm chín một đồng).

30.Số tiền gốc anh Đặng Tiến H đã trả là 9.200.000đ. Số tiền lãi đã trả là 2.300.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 2.047.945đồng. Như vậy, tiền gốc vay anh H chưa trả là 800.000đ. Đối trừ thì số tiền các bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K phải liên đới trả lại cho anh H 1.247.945đ (một triệu hai trăm bốn bảy nghìn chín trăm bốn năm đồng).

31.Số tiền gốc chị Nguyễn Thị T đã trả là 20.250.000đ. Số tiền lãi đã trả là 4.050.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 3.606.164đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị T chưa trả là 9.750.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị T còn phải nộp lại là 6.143.836đ (sáu triệu một trăm bốn ba nghìn tám trăm ba sáu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

32.Số tiền gốc chị Phạm Thu D đã trả là 1.250.000đ. Số tiền lãi đã trả là 250.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 222.603đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị D chưa trả là 8.750.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị D còn phải nộp lại là 8.527.397đ (tám triệu năm trăm hai bảy nghìn ba trăm chín bảy đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

33.Số tiền gốc anh Nguyễn Văn N đã trả là 53.750.000đ. Số tiền lãi đã trả là 10.750.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 9.571.918đồng. Như vậy, tiền gốc vay chưa trả là 26.250.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc anh N còn phải nộp lại là 16.678.082đ (mười sáu triệu sáu trăm bảy tám nghìn chín trăm tám hai đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

34.Số tiền gốc chị Nguyễn Thúy X đã trả là 6.000.000đ. Số tiền lãi đã trả là 1.200.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.068.493đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị X chưa trả là 4.000.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số

tiền gốc chị X còn phải nộp lại là 2.931.507đ (hai triệu chín trăm ba một nghìn năm trăm linh bảy đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

35.Số tiền gốc anh Nguyễn Văn Q đã trả là 45.000.000đ. Số tiền lãi đã trả là 9.000.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 7.520.548đồng. Như vậy, tiền gốc vay anh Q chưa trả là 255.000.000đ (hai trăm năm mươi lăm triệu đồng). Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc anh Q còn phải nộp lại là 247.479.452đ (hai trăm bốn bảy triệu bốn trăm bảy chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

36.Số tiền gốc chị Phan Thị H đã trả là 8.000.000đ. Số tiền lãi đã trả là 1.600.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.424.657đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị H chưa trả là 22.000.000 đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị H còn phải nộp lại 20.575.343đ (hai mươi triệu năm trăm bảy lăm nghìn ba trăm bốn ba đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

37.Số tiền gốc chị Bùi Thị H đã trả là 3.600.000đ. Số tiền lãi đã trả là 900.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 801.370đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị H chưa trả là 6.400.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị H còn phải nộp lại 5.598.630đ (năm triệu năm trăm chín tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

38.Số tiền gốc chị Hoàng Thị M đã trả là 89.166.667đ. Số tiền lãi đã trả là 17.833.333đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 14.901.826đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị M chưa trả là 17.833.333đ (Mười bảy triệu tám trăm ba ba nghìn ba trăm ba ba đồng). Đối trừ thì số tiền các bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K phải liên đới trả lại cho chị M là 4.068.493đ (bốn triệu không trăm sáu tám nghìn bốn trăm chín ba đồng).

39.Số tiền gốc chị Trần Thu H đã trả là 750.000đ. Số tiền lãi đã trả là 150.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 133.562đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị H chưa trả là 9.250.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị H còn phải nộp lại là 9.116.438đ (chín triệu một trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba tám đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

40.Số tiền gốc chị Bùi Thị L đã trả là 4.500.000đ. Số tiền lãi đã trả là 900.000đồng, trong đó số tiền lãi vượt quá 20%/năm là 801.370đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị L chưa trả là 15.500.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị L còn phải nộp lại là 14.698.630đ (mười bốn triệu sáu trăm chín tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

41.Số tiền gốc chị Phạm Thị Đ đã trả là 50.000.000đ. Số tiền lãi đã trả là 4.750.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 3.544.521đồng. Chị Đ đã trả xong gốc vay. Đối trừ thì số tiền các bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K phải liên đới trả lại cho chị Đ là 3.544.521đ (ba triệu năm trăm bốn bốn nghìn năm trăm hai một đồng).

42.Số tiền gốc chị Lê Thị P đã trả là 3.000.000đ. Số tiền lãi đã trả là 600.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 534.247đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị P chưa trả là 17.000.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị P còn phải nộp lại là 16.465.753đ (mười sáu triệu bốn trăm sáu trăm nghìn bảy trăm năm ba đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

43.Số tiền gốc chị Nông Tiểu N đã trả là 1.500.000đ. Số tiền lãi đã trả là 300.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 267.123đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị N chưa trả là 8.500.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị N còn phải nộp lại 8.232.877đ (tám triệu hai trăm ba hai nghìn tám trăm bảy bảy đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

44.Số tiền gốc chị Đặng Bích H đã trả là 6.250.000đ. Số tiền lãi đã trả là 1.250.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 1.113.014đồng. Như vậy, tiền gốc vay chị H chưa trả là 43.750.000đ. Đối trừ với tiền lãi nặng thì số tiền gốc chị H còn phải nộp lại 42.636.986đ (bốn hai triệu sáu trăm ba sáu nghìn chín trăm tám sáu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

45.Số tiền gốc chị Trần Thị Bích P đã trả là 50.000.000đ. Số tiền lãi đã trả là 10.000.000đồng, trong đó tiền lãi vượt quá 20%/năm là 8.904.110đồng. chị P đã trả xong tiền gốc vay. Đối trừ thì số tiền các bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K phải liên đới trả lại chị P 8.904.110đ (tám triệu chín trăm không bốn nghìn một trăm mười đồng).

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo Trương Văn T, Hoàng Văn K phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau khi đối trừ tiền thu lời bất chính và tiền gốc chưa trả là 142.667.811đ (một trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu bảy nghìn tám trăm mười một đồng). Đối với số tiền lãi còn lại tương ứng với mức lãi suất dưới 20%/năm cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Cụ thể tổng lãi thu được là 328.734.523 đ, trừ lãi nặng trả lại cho người vay là 289.860.551đ. Như vậy, số lãi còn lại tịch thu sung công quỹ Nhà nước là 38.873.972đ. Số tiền này được chia đều cho Trương Văn T và Hoàng Văn K, mỗi bị cáo phải nộp lại 19.437.000đ (mười chín triệu bốn trăm ba bảy nghìn đồng).

Đối với số tiền 379.500.000đ (ba trăm bảy chín triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền của Trương Văn T và tiền anh Nguyễn Văn T vay trả cho Trương Văn T để nhận lại xe ô tô được trả lại cho Trương Văn T và Hoàng Văn K nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Đối với số tiền công 20.000.000đ của bị cáo Phạm Thế H là tiền thu lời bất chính nên buộc đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Thế H là ông Phạm Văn H nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Các vật chứng còn lại liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng như điện thoại di động, xe máy thì tịch thu sung công quỹ Nhà nước, các vật chứng còn lại trả cho chủ sở hữu và người liên quan theo quy định của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo là người không có việc làm ổn định nên miễn hình phạt bổ sung.

[7]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: các bị cáo Trương Văn T, Hoàng Văn K, Phạm Thế H và H.V.T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng: khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Trương Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày 01/8/2020.

Xử phạt: Hoàng Văn K 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày 01/8/2020.

Áp dụng: khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 90; Điều 91 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phạm Thế H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao Phạm Thế H cho Ủy Ban nhân dân xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng quản lý, giám sát trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Phạm Thế H phối hợp với Ủy Ban nhân dân xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng trong việc quản lý, giám sát Phạm Thế H.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2019.

Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: H.V.T 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Áp dụng: điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Phạm Thế H và H.V.T.

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc các bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K mỗi bị cáo phải nộp lại 19.437.000đ (mười chín triệu bốn trăm ba bảy nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước là tiền lãi do phạm tội mà có.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau đây phải nộp lại tiền gốc vay chưa trả của Trương Văn T và Hoàng Văn K để sung công quỹ Nhà nước. Cụ thể:

1. Anh Vũ Văn N phải nộp lại là 4.109.589đ (bốn triệu một trăm linh chín nghìn năm trăm tám chín đồng);

2. Bà Phạm Thị H phải nộp lại 4.109.589đ (bốn triệu một trăm linh chín nghìn năm trăm tám chín đồng);

3. Anh Nguyễn Văn Q phải nộp lại là 14.109.589đ (mười bốn triệu một trăm linh chín ngàn năm trăm tám chín đồng);

4. Bà Phạm Thị N phải nộp lại là 34.442.446đ (ba mươi tư triệu bốn trăm bốn hai nghìn bốn trăm bốn sáu đồng);

5. Chị Ngô Thị T phải nộp lại là 1.912.329đ (một triệu chín trăm mười hai nghìn ba trăm hai chín đồng);

6. Bà Nguyễn Minh H phải nộp lại là 5.216.438đ (năm triệu hai trăm mười sáu ngàn bốn trăm ba tám đồng);

7. Anh Phạm Mạnh C phải nộp lại 1.698.630đ (một triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng);

8. Chị Vũ Thị Thanh H phải nộp lại là 7.054.795đ (bảy triệu không trăm năm tư ngàn bảy trăm chín lăm đồng);

9. Anh Trần Xuân T phải nộp lại 5.287.671đ (năm triệu hai trăm tám bảy nghìn sáu trăm bảy một đồng);

10. Anh Phạm Bá N phải nộp lại là 27.276.027đ (hai mươi bảy triệu hai trăm bảy sáu nghìn không trăm hai bảy đồng);

11. Anh Phạm Văn K phải nộp lại là 83.287.671đ (tám mươi ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy một đồng);

12. Chị Mai Thị A phải nộp lại là 8.232.877đ (tám triệu hai trăm ba hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng);

13. Chị Hoàng Thị N phải nộp lại là 5.567.124 đ (năm triệu năm trăm sáu bảy nghìn một trăm hai tư đồng);

14. Anh Nguyễn Duy H phải nộp lại 7.054.795đ (bảy triệu không trăm năm tư nghìn bảy trăm chín lăm đồng);

15. Chị Hoàng Thị T phải nộp lại là 7.479.452đ (bảy triệu bốn trăm bảy chín nghìn bốn trăm năm hai đồng);

16. Chị Nguyễn Thị X phải nộp lại 4.605.480đ (bốn triệu sáu trăm linh năm nghìn bốn trăm tám mươi đồng);

17. Chị Hoàng Thị C phải nộp lại 129.506.851đ (một trăm hai chín triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm năm một đồng);

18. Bà Vi Thị T phải nộp lại là 10.410.959đ (mười triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm năm chín đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

19. Anh Vũ Trung H phải nộp lại 41.405.479đ (bốn một triệu bốn trăm linh năm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

20. Chị Vi Thị M phải nộp lại 6.326.027đ (sáu triệu ba trăm hai sáu nghìn không trăm hai bảy đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

21. Chị Bùi Thúy N phải nộp lại 1.098.630 đ (một triệu không trăm chín tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

22. Chị Bùi Thị N phải nộp lại là 7.164.383đ (bảy triệu một trăm sáu tư nghìn ba trăm tám ba đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

23. Chị Nguyễn Thị T phải nộp lại là 6.143.836đ (sáu triệu một trăm bốn ba nghìn tám trăm ba sáu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

24. Chị Phạm Thu D phải nộp lại là 8.527.397đ (tám triệu năm trăm hai bảy nghìn ba trăm chín bảy đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

25. Anh Nguyễn Văn N phải nộp lại là 16.678.082đ (mười sáu triệu sáu trăm bảy tám nghìn chín trăm tám hai đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

26. Chị Nguyễn Thúy X phải nộp lại là 2.931.507đ (hai triệu chín trăm ba một nghìn năm trăm linh bảy đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

27. Anh Nguyễn Văn Q phải nộp lại là 247.479.452đ (hai trăm bốn bảy triệu bốn trăm bảy chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

28. Chị Phan Thị H phải nộp lại 20.575.343đ (hai mươi triệu năm trăm bảy lăm nghìn ba trăm bốn ba đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

29. Chị Bùi Thị H phải nộp lại 5.598.630đ (năm triệu năm trăm chín tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

30. Chị Trần Thu H phải nộp lại là 9.116.438đ (chín triệu một trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba tám đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

31. Chị Bùi Thị L phải nộp lại là 14.698.630đ (mười bốn triệu sáu trăm chín tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

32. Chị Lê Thị P phải nộp lại là 16.465.753đ (mười sáu triệu bốn trăm sáu lăm nghìn bảy trăm năm ba đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

33. Chị Nông Tiểu N phải nộp lại 8.232.877đ (tám triệu hai trăm ba hai nghìn tám trăm bảy bảy đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

34. Chị Đặng Bích H phải nộp lại 42.636.986đ (bốn hai triệu sáu trăm ba sáu nghìn chín trăm tám sáu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

- Tuyên buộc các bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K phải liên đới trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau:

1. Trả lại bà Nguyễn Thị L: 1.048.000đ (một triệu không trăm bốn tám ngàn đồng).

2. Trả lại chị Nguyễn Thị N: 1.671.233đ (một triệu sáu trăm bảy một ngàn hai trăm ba mươi ba đồng).

3. Trả lại chị Nguyễn Thị D: 512.329đ (năm trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

4. Trả lại anh Nguyễn Xuân B: 54.795đ (năm mươi tư nghìn bảy trăm chín lăm đồng).

5. Trả lại chị Vi Thị B: 7.808.220đ (bảy triệu tám trăm linh tám nghìn hai trăm hai mươi đồng).

6. Trả lại chị Đặng Thị H: 104.212.329đ (một trăm linh tư triệu hai trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

7. Trả lại anh Nguyễn Ngọc T: 9.595.891đ (chín triệu năm trăm chín lăm nghìn tám trăm chín một đồng).

8. Trả lại anh Đặng Tiến H: 1.247.945đ (một triệu hai trăm bốn bảy nghìn chín trăm bốn lăm đồng).

9. Trả lại chị Hoàng Thị M: 4.068.493đ (bốn triệu không trăm sáu tám nghìn bốn trăm chín ba đồng).

10. Trả lại chị Trần Thị Bích P: 8.904.110đ (tám triệu chín trăm không bốn nghìn một trăm mười đồng).

11. Trả lại chị Phạm Thị Đ: 3.544.521đ (ba triệu năm trăm bốn bốn nghìn năm trăm hai một đồng).

- Tuyên trả cho bị cáo Trương Văn T: 01 (Một) giấy chứng nhận đăng kiểm xe số: 8804628 của xe Ford Focus, 01 (Một) một giấy đăng kí xe số 032969 của xe Ford Focus, BKS 14 A-247.71, 01 (Một) thẻ căn cước công dân số: 031095002565 mang tên Trương Văn T;

- Tuyên trả cho anh Ngô Đông Đ: 01 (Một) xe ô tô Ford Focus màu trắng, BKS 14 A-247.71 cùng một chìa khóa xe, 02 gương, đèn, xi nhan đầy đủ, 02 gạt mưa (xe được niêm phong theo quy định tại Biên bản niêm phong ngày 30/10/2020 giữa Cục Thi hành án dân sự với Cơ quan cảnh sát điều tra, công an tỉnh Quảng Ninh).

- Tuyên tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước của Trương Văn T: 01 (Một) máy tính cá nhân nhãn hiệu Asus màu đen, 01 (Một) xe máy Honda Wave

màu xanh đen, bạc BKS 14K1-263.09 (Theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng cảnh sát giao thông – ĐBDS, Công an tỉnh Quảng Ninh, ngày 14/8/2020), 01 đăng kí xe số 022559; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, Imei: 359404083724147 + 01 sim; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu vàng, Imei: 353947104813766 + 02 sim.

- Tuyên trả cho Hoàng Văn K: 01 (Một) thẻ căn cước công dân số: 031095000764 mang tên Hoàng Văn K.

- Tuyên tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước của Hoàng Văn K: 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone màu xanh đen, Imei: 353916103659017 + 01 sim, 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Nokia màu vàng, Imei: 358645015093743 + 01 sim.

- Tuyên buộc đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Thế H là ông Phạm Văn H nộp lại 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Tuyên tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước của Phạm Thế H: 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone XSMAX, màu trắng, Imei: 357279096904171 + 01 sim.

- Tuyên tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước của bị cáo H.V.T: 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, Imei: 359173079845261 + 01 sim; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Nokia màu xanh, Imei: 358991097702904 + 01 sim.

- Tuyên trả cho bị cáo H.V.T: 01 (Một) căn cước công dân số: 031200000594 mang tên H.V.T.

Toàn bộ vật chứng nêu trên thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 12 ngày 30/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng ninh.

Tịch thu tiêu hủy 400 (Bốn trăm) tờ giấy khổ A4 có nội dung “Hỗ trợ tài chính, cho vay trả góp, giải ngân trong ngày sổ hộ khẩu + CMND bản gốc + LH: 0335195595” theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/10/2020 giữa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Trả lại cho Trương Văn T và Hoàng Văn K: 379.500.000đ (ba trăm bảy chín triệu năm trăm nghìn đồng) hiện tạm giữ của Trương Văn T và Hoàng Văn K nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án. Số tiền này hiện gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh trong tài khoản số 3949.0.9039862.00000 lập ngày 24/8/2020.

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Trương Văn Trương Văn T, Hoàng Văn K, Phạm Thế H và H.V.T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Trương Văn T và Hoàng Văn K mỗi bị cáo phải nộp

3.566.695đ (ba triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, báo để các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND tỉnh QN;
- Công an tỉnh QN;
- Trại tạm giam Công an tỉnh QN;
- THA, Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Đoan